| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**QUẬN NINH KIỀU**<br>**THÀNH PHỐ CẦN THƠ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 58/2025/DSST
Ngày: 28/3/2025
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lai Ngọc Trí**

- *Các Hội thẩm nhân dân:*1. Bà **Nguyễn Thị Ngọc Thu**

2. Bà **Nguyễn Thị Hoàng Oanh**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Huỳnh Thị Cẩm Thu**- Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2025/TLST - DS ngày 06 tháng 01 năm 2025 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".* Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2025/QĐST – DS ngày 19 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

*1. **Nguyên đơn:*** Bà **Nguyễn Thị Ngọc T**, sinh năm 1986

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh H.

Địa chỉ liên lạc: Số A Sông Đ, Phường B, quận T, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền ông **Võ Minh T1**, sinh năm 1998 – Văn bản ủy quyền ngày 01/10/2024.

Địa chỉ: Số A Sông Đ, Phường B, quận T, thành phố H.

***2. Bị đơn:*** Ông **Đặng Chí L**, sinh năm 1987

Địa chỉ: Số E, đường C, phường X, quận N, thành phố C. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Minh T1 trình bày và yêu cầu:***

Ngày 29/8/2023 bà Nguyễn Thị Ngọc T có cho ông Đặng Chí L mượn số tiền 800.000.000 đồng (tám trăm triệu đồng) và đã thực hiện việc chuyển khoản số tiền này vào tài khoản do ông L cung cấp. Đến ngày 16/11/2023, ông L tiếp

tục tìm gặp bà T để mượn thêm số tiền 18.000.000 đồng để xử lý công việc và ông L hứa là vài ngày sau ông L sẽ trả. Do chỗ quen biết và quá tin tưởng nên bà T đã đồng ý cho ông L mượn thêm 18.000.000 đồng. Tổng số tiền mà bà T cho ông L mượn là 818.000.000 đồng.

Ngày 01/12/2023, ông L không hoàn trả lại số tiền trên như đã hứa nên nên ông L viết Biên nhận với nội dung như sau *"Hôm nay, ngày 01/12/2023. Tôi tên Đặng Chí L có CCCD số 094087000123 có nhận của Nguyễn Thị Ngọc T số tiền là 818.000.000 đồng. Trong vòng 01 tháng trả lại*". Giấy Biên nhận này do chính tay ông L viết và ký tên, ghi rõ họ tên.

Đến ngày 17/01/2024, hơn một tháng kể từ ngày ông L viết Giấy Biên nhận, bà T đã yêu cầu ông L trả lại số tiền 818.000.000 đồng như đã cam kết tại Giấy Biên nhận nhưng ông L vẫn không trả, với lý do đang rất khó khăn nên không thể trả tiền và xin cho ông L được chia làm 2 đợt trả. Cụ thể ông L đã viết: "*Hôm nay ngày 17/01/2024 tôi tên Đặng Chí L cam kết trả số tiền trên làm hai khoản. Khoản 400.000.000 đồng vào ngày 23/01/2024. Số tiền còn lại chậm nhất ngày 31/01/2024. Nếu đến 31/01/2024 tôi sai phạm thì chịu bồi thường gấp đôi và chịu trách nhiệm trước pháp luật"*. Ông L đã ký tên và ghi rõ họ tên dưới nội dung này trong giấy viết tay. Bà T đã tin tưởng và đồng ý với phương án ông L đề xuất.

Ngày 20/7/2024, sau nhiều lần ông L thất hứa việc hoàn trả số tiền 818.000.000 đồng cho bà T như cam kết nên bà T đã yêu cầu ông L cùng đi đến Văn phòng Thừa phát lại C để lập Vi bằng về việc ông L đã mượn bà T số tiền 818.000.000 đồng. Theo nội dung Vi bằng, ông L xác nhận việc mượn số tiền 818.000.000 đồng và cam kết sẽ trả đủ số tiền này cho bà T vào ngày 20/9/2024, đồng thời thỏa thuận rằng nếu đến ngày 20/9/2024 mà ông không trả đủ số tiền trên thì ông L sẽ đến Văn phòng công chứng để ký sang tên cho bà T một thửa đất tại quận N, TP ..

Tổng số tiền 818.000.000 đồng trên mà bà T cho ông L mượn được thể hiện qua các văn bản sau: Giấy Biên nhận ngày 01/12/2023; Giấy thỏa thuận viết tay ngày 17/01/2024; Vi bằng số 370/2024/VB-TPL ngày 20/7/2024.

Đến ngày 20/9/2024, ông L vẫn không thực hiện đúng với những gì đã cam kết nên ngày 25/9/2024, bà T đã có văn bản thông báo yêu cầu hai nội dung sau: Thứ nhất, yêu cầu ông L đến Văn phòng công chứng để ký sang tên thửa đất theo đúng thỏa thuận của hai bên thể hiện tại Vi bằng lập ngày 20/7/2024. Thứ hai, trong vòng 4 ngày kể từ thời điểm ông L nhận được Văn bản này thì phải thực

hiện việc ký sang tên thửa đất nói trên cho bà T tại Văn phòng công chứng có thẩm quyền. Tuy nhiên, đến nay đã quá thời gian theo Thông báo và ông L vẫn chưa trả số tiền đã mượn cho bà T. Như vậy ông L đã vi phạm nghiêm trọng thỏa thuận giữa hai bên, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp của bà T.

Căn cứ khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay: “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn..." và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định: "Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ" nên Nguyên đơn khởi kiện với những yêu cầu như sau:

1. Yêu cầu ông Đặng Chí L phải trả lại cho bà T số tiền 818.000.000 đồng.

2. Yêu cầu ông Đặng Chí L thanh toán cho bà T số tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày 10/03/2025 (465 ngày) là 104.210.960 đồng theo mức lãi suất 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017). Cụ thể [(818.000.000 x 10%)/365) x 465] = 104.210.960 đồng.

3. Tổng cộng số tiền ông Đặng Chí L phải trả cho nguyên đơn là 922.210.960 đồng. Yêu cầu ông Đặng Chí L phải thanh toán cho bà T một lần và thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Vụ án không hòa giải được do bị đơn vắng mặt tại các lần hòa giải. Vì vậy, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với số nợ gốc và đồng thời đề nghị Tòa án tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm. Bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ theo đơn khởi kiện của nguyên đơn cùng với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ kiện thể hiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền vay nên xác định đây là quan hệ “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại quận N nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Xét thấy, tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày

05/5/2017 của Tòa án nhân dân tối cao đã hướng dẫn "…*Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung…*". Vì vậy, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo địa chỉ đã thể hiện trong biên nhận nợ đã đã ký.

Bị đơn ông Đặng Chí L được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải không rõ lý do. Vì vậy, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bị đơn tiếp tục vắng mặt không rõ lý do, nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung là phù hợp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về số nợ: Căn cứ vào Biên nhận ngày 01/12/2023 cùng với Vi bằng số 370/2024/VB-TPL ngày 20/7/2024 thể hiện bị đơn Đặng Chí L có nhận của nguyên đơn tổng số tiền 818.000.000 đồng, do đó có căn cứ xác định việc bị đơn vay tiền của nguyên đơn là có thật, đến hạn bị đơn không trả được nợ nên nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ và có cơ sở chấp nhận.

- Về yêu cầu tính lãi: Trong biên nhận nợ không thể hiện việc vay tài sản giữa các bên có thỏa thuận việc trả lãi, tuy nhiên căn cứ Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 do bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ nên phải trả lãi suất theo quy định pháp luật. Đồng thời, căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 *"Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ"*. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền lãi tạm tính từ ngày 01/12/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/3/2025 theo mức lãi suất 10%/năm tương đương 0.83%/tháng. Xét thấy, yêu cầu của đương sự là phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy, bị đơn có trách nhiệm trả lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất 0.83%/tháng tính từ ngày 01/12/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/3/2025 là: (15 tháng 27 ngày x 0.83%/tháng) x 818.000.000 đồng = 107.951.451 đồng. Vì vậy, bị đơn có trách nhiệm trả số tiền lãi trên cho nguyên

đơn.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ vào:*

- Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH K14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T.

Buộc bị đơn ông Đặng Chí L có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T tổng số tiền là 925.951.451 đồng. Trong đó, nợ gốc là 818.000.000 đồng và nợ lãi là 107.951.451 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Đặng Chí L phải chịu 39.778.543 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T được nhận lại 19.299.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002243 ngày 01/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Về thi hành án: Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện

theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
-VKSND Q. Ninh Kiều;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lai Ngọc Trí**